

Bản án số: 172/2026/DS-ST
Ngày: 09-6-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Liên;
2. Bà Phan Thị Huyền Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tây Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thái Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt: P); địa chỉ trụ sở: Số B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là: Số B N, phường C, Thành phố Hà Nội); người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – Chức vụ: Phó Giám đốc khối quản lý và T cấu trúc tài sản P (Văn bản ủy quyền số: 10772/UQ-PVB, ngày 10/6/2020), vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng Trung N: Ông Trương Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc khách hàng Cá nhân - Phòng quản lý khách hàng cá nhân Đ - Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản P; ông Lê Duy T2 – Chức vụ: Chuyên gia Phòng quản lý khách hàng cá nhân Đ - Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản P và ông Võ Hoàng N1 – Chức vụ: Chuyên viên Phòng quản lý khách hàng cá nhân Đ - Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản P (Văn bản ủy quyền số: 9743/UQ-PVB, ngày 11/12/2025), vắng mặt;

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn R**, sinh năm 1987; số chứng minh nhân dân: 290917ABC, do **Công an tỉnh T** cấp ngày 17/10/2014; nơi cư trú: **Tổ G, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh**, vắng mặt;

Người đại diện theo pháp luật của ông **Phạm Văn R**: Ông **Phạm Văn L1**, sinh năm 1957; nơi cư trú: **Tổ G, ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh**, vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: **Hẻm B T, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh**; người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Duy T3** – Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 26/6/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Trương Văn T1**, ông **Lê Duy T2**, ông **Võ Hoàng N1** thống nhất trình bày:*

Vào ngày 14/11/2019 **P** có ký kết Hợp đồng vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV với ông **Phạm Văn R** với số tiền 357.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày bên ông **R** rút vốn vay lần đầu tiên, mục đích vay tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat NK650L4, màu sơn trắng, số khung: RM9N6CC4JJAB00016, số máy: 4JB1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18, xe đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036549, ngày 13/11/2019 cho ông **Phạm Văn R**; thời hạn giải ngân 60 ngày kể từ ngày 08/11/2019 hoặc gia hạn theo thời hạn được **Ngân hàng C**; phương thức thanh toán nợ gốc được trả 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng/kỳ vào ngày 15 hàng tháng; số tiền nợ gốc trả hàng kỳ, kỳ thứ nhất đến kỳ thứ 60 trả 5.950.000 đồng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên 15/12/2019; lãi suất và phí: Lãi suất trong hạn được ghi nhận tại mỗi Khế ước nhận nợ từ ngày 15/11/2019 đến ngày 14/12/2020 lãi suất bằng 9.49%/năm, từ ngày 15/11/2020 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng $LSTG_{13} + \text{Biên độ } 4,5\%/năm$; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng không được bên vay trả nợ đúng hạn; lãi suất chậm trả 10%/năm, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ do Ngân hàng quyết định tại thời điểm quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ; phí trả nợ trước hạn được ghi nhận tại mỗi Khế ước nhận nợ; phạt vi phạm được áp dụng trong trường hợp bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với **Ngân hàng N2** quá hạn trả nợ gốc là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm nghĩa vụ. Sau khi ký kết Hợp đồng cho vay **P** đã theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019 đã chuyển tiền giải ngân vào tài khoản thanh toán nơi ông **Phạm Văn R** mua xe ô tô cho **Công ty Cổ phần T4** số tài khoản 48498183 **Ngân hàng V**. Để đảm bảo số tiền vay 357.000.000 đồng ông **R** đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 461/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 14/11/2019 gồm: Xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat, số loại: NK650L4, màu sơn: Trắng, số khung: CC4JJAB00016, số máy: B1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18, xe đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036549, ngày 13/11/2019 cho ông **Phạm Văn R** đứng tên.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay ông **R** đã thanh toán cho **P** số tiền 156.851.153 đồng, trong đó: Tiền gốc 107.324.453 đồng, tiền lãi 49.526.700 đồng.

Đến kỳ thanh toán ngày 25/7/2021 ông R không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù P đã liên lạc yêu cầu ông R tất toán các khoản vay cho Ngân hàng nhưng ông R vẫn không thực hiện. Nên P đã chuyển số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV thành nợ quá hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ.

Sau khi được tiếp cận các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện ông R có dấu hiệu của bệnh tâm thần, tuy nhiên quá trình ký kết và thực hiện Hợp đồng cho vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 461/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GV ông R đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự không có biểu hiện mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự. Do đó việc ký kết và thực hiện hợp đồng này đều là hợp pháp và P không biết ông R hiện nay ở đâu nên P rút yêu cầu không đề nghị trưng cầu giám định tâm thần đối với ông Phạm Văn R từ sau khi ông R vi phạm nghĩa vụ với P. Trường hợp giao dịch giữa ông R với P vô hiệu đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Nếu giao dịch đảm bảo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của P nay yêu cầu ông Phạm Văn R có nghĩa vụ hoàn trả (tạm tính đến ngày 09/6/2026) số tiền 498.592.244 đồng, trong đó: 249.675.547 đồng nợ gốc; 59.723.393 đồng nợ lãi trong hạn; 164.009.410 đồng nợ lãi quá hạn; lãi suất chậm trả 25.183.894 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 10/6/2026) ông Phạm Văn R còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến khi hoàn trả xong nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Văn R không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho P gồm: Xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat, số loại: NK650L4, màu sơn: Trắng, số khung: CC4JJAB00016, số máy: B1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18, xe đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036549, ngày 13/11/2019 cho ông Phạm Văn R đứng tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phạm Văn R nhiều lần, tuy nhiên ông R vẫn vắng mặt nhưng không có lý do chính đáng.

Tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 04/9/2025 người đại diện theo pháp luật của ông Phạm Văn R là ông Phạm Văn LI trình bày: Ông là cha ruột của Phạm Văn R hiện nay R đang bị tâm thần nặng nên không đi làm được mọi sinh hoạt do người nhà giúp đỡ R. Do làm ăn thua lỗ nên hiện nay gia đình ông cùng R sinh sống nhiều nơi không ổn định để mưu sinh, còn việc R vay tiền Ngân hàng P ông không biết do đó nay ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của P.

Tại Công văn 26/3/2026 của Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh – Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy T3 trình bày: Ngày 14/11/2019 Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh có đăng ký thế chấp đối với Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 461/2019/HĐBĐ/PVB-

CN.GV ngày 14/11/2019 giữa P với ông Phạm Văn R đối với: Xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat NK650L4, màu sơn: Trắng, số khung: CC4JJAB00016, số máy: B1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18, xe đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036549, ngày 13/11/2019 cho ông Phạm Văn R đứng tên. Việc đăng ký thế chấp này đã đảm bảo đúng quy định pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm đối với động sản là xe ô tô nêu trên, do đó đề nghị Tòa án không đưa Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án đề nghị giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có bản tự khai, bảng tính tiền lãi kèm theo đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nội dung: P yêu cầu ông Phạm Văn R có nghĩa vụ hoàn trả (tạm tính đến ngày 09/6/2026) số tiền 498.592.244 đồng, trong đó: 249.675.547 đồng nợ gốc; 59.723.393 đồng nợ lãi trong hạn; 164.009.410 đồng nợ lãi quá hạn; lãi suất chậm trả 25.183.894 đồng. Kể từ ngày tiếp theo (ngày 10/6/2026) ông Phạm Văn R còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến khi hoàn trả xong nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Phạm Văn R không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho P gồm: Xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat, số loại: NK650L4, màu sơn: Trắng, số khung: CC4JJAB00016, số máy: B1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18, xe đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036549, ngày 13/11/2019 cho ông Phạm Văn R đứng tên.

- Bị đơn ông Phạm Văn R, người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phạm Văn L1 vắng mặt không có lý do chính đáng;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 292, 299, 317, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông **Phạm Văn R**. Buộc ông **Phạm Văn R** có nghĩa vụ hoàn trả cho **P** số tiền 473.408.350 đồng, trong đó: 249.675.547 đồng nợ gốc; 59.723.393 đồng nợ lãi trong hạn; 164.009.410 đồng nợ lãi quá hạn; 25.183.894 đồng lãi suất chậm trả. Tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 10/6/2026 cho đến khi tất toán hết nợ và trường hợp không trả nợ thì **P** có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông **Phạm Văn R** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về việc đưa người tham gia tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện ông **Phạm Văn R** có dấu hiệu của bệnh tâm thần, tuy nhiên **P** rút yêu cầu trưng cầu giám định tâm thần đối với ông **Phạm Văn R** do không xác định được ông **R** ở đâu. Qua xác minh hiện nay ông **Phạm R** và gia đình không có mặt tại địa phương và ông **Phạm Văn L2** là người nhận tiền hưởng trợ cấp xã hội do **UBND xã T**, tỉnh Tây Ninh chi trả cho ông **R** và ông **L1** không có yêu cầu tuyên bố ông **R** hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Nên căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Dân sự Tòa án đưa ông **Phạm Văn L1** tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của ông **Phạm Văn R** trong vụ án.

- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông **Phạm Văn R**, người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông **Phạm Văn L1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Phạm Văn R**, ông **Phạm Văn L1**.

Đối với việc vắng mặt của ông **Trương Văn T1**, ông **Lê Duy T2**, ông **Võ Hoàng N1** đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Trương Văn T1**, ông **Lê Duy T2**, ông **Võ Hoàng N1**.

- Về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện: **P** cho rằng ông **Phạm Văn R** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 25/7/2021. Tính đến ngày khởi kiện ngày 27/6/2025 thể hiện quyền lợi ích của **P** bị xâm phạm đã trên 03 năm kể từ ngày 25/7/2021. Tuy nhiên tính đến ngày Tòa án xét xử trong vụ án không có đương sự yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự, **P** vẫn có quyền khởi kiện đối với bị đơn ông **Phạm Văn R**.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của **P** yêu cầu ông **Phạm Văn R** có nghĩa vụ hoàn trả số tiền (tạm tính đến ngày 09/6/2026) 498.592.244 đồng, trong đó: 249.675.547 đồng nợ gốc; 59.723.393 đồng nợ lãi trong hạn; 164.009.410 đồng nợ lãi quá hạn; nợ lãi chậm trả 25.183.894 đồng theo Hợp đồng cho vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV và theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019:

[2.1] Về hình thức hợp đồng: Việc ký kết Hợp đồng cho vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV và theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019 giữa **Ngân hàng P** với ông **Phạm Văn R** đã được lập thành văn bản, việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung không trái đạo đức xã hội, điều cấm của luật. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày sau khi ký kết Hợp đồng cho vay ông **R** đã thanh toán cho **P** số tiền 156.851.153 đồng, trong đó: Tiền gốc 107.324.453 đồng, tiền lãi 49.526.700 đồng. Đến kỳ thanh toán ngày 25/7/2021 ông **R** ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **P**, nên **P** đã chuyển khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV thành nợ quá hạn, tạm tính đến ngày 09/6/2026 ông **R** còn nợ **P** số tiền 498.592.244 đồng, trong đó: 249.675.547 đồng nợ gốc; 59.723.393 đồng nợ lãi trong hạn; 164.009.410 đồng nợ lãi quá hạn; 25.183.894 đồng nợ lãi chậm trả. Điều này thể hiện ông **R** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với **Ngân hàng P**.

[2.2] Về năng lực hành vi dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ là hồ sơ điều trị bệnh của ông **Phạm Văn R** tại **Bệnh viện T5** (bút lục 163 đến 202) thể hiện ông **R** có điều trị bệnh 05 đợt cụ thể: Đợt 01 từ ngày 06/4/2018 đến ngày 22/5/2018; đợt 02 từ ngày 28/12/2018 đến ngày 18/3/2018; đợt 03 từ ngày 07/12/2023 đến ngày 22/01/2024; đợt 04 từ ngày 08/11/2025 đến ngày 24/11/2025 và đợt 05 từ ngày 16/01/2026 đến ngày 13/02/2026. Điều này thể hiện ông **R** có dấu hiệu của việc điều trị bệnh tâm thần, tuy nhiên việc ký kết, thực hiện Hợp đồng cho vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV, ngày 14/11/2019 và theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019 giữa **Ngân hàng P** với ông **Phạm Văn R** sau thời gian ông **R** điều trị bệnh đợt 02 ngày 28/12/2018 đến ngày 18/3/2018. Tại biên bản xác minh (bút lục 226, 227, 228) thể hiện ông **R** có dấu hiệu rối loạn tâm thần tuy nhiên gia đình có đưa đi điều trị mỗi lần điều trị bệnh về tinh thần ông **R** bình thường có thể đi làm tự nuôi sống bản thân. Hơn nữa tại thời điểm giao kết và thực hiện Hợp đồng cho vay giữa ông **R** với **P** không có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự đối với ông **R** và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thời điểm ký kết hợp đồng ông **R** có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, sau khi ký kết hợp đồng có thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **P**. Điều này thể hiện thời điểm ký kết và thực hiện Hợp đồng cho vay ông **R** vẫn có đủ năng lực hành vi dân sự, nên việc ký kết và thực hiện này là hợp pháp.

Mặt khác trong nội dung “Hợp đồng cho vay số: 461/2019/HĐTD/PVB-CN.GV, ngày 14/11/2019 và theo Khế ước nhận nợ ngày 15/11/2019” có ghi nơi cư trú cụ thể của ông **Phạm Văn R** tại **tổ G, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là tổ G, ấp Đ xã T, tỉnh Tây Ninh)**. Qua xác minh thể hiện, hiện nay ông **R** không còn ở địa phương, việc ông **R** đã bỏ đi không rõ nơi cư trú mới, nhưng khi thay đổi nơi cư trú ông **R** không thông báo cho **P** biết về nơi cư trú mới, căn cứ

khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự được xem ông **R** có tình dẫu địa chỉ. Do đó ông **R** phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp các tài liệu chứng cứ theo Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình tại Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của **P**.

Do đó căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng nay **P** khởi kiện yêu cầu ông **R** có nghĩa vụ hoàn trả số tiền (tạm tính đến ngày 09/6/2026) 498.592.244 đồng, trong đó: 249.675.547 đồng nợ gốc; 59.723.393 đồng nợ lãi trong hạn; 164.009.410 đồng nợ lãi quá hạn; nợ lãi chậm trả 25.183.894 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 461/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 14/11/2019 giữa **P** với ông **Phạm Văn R** đối với: Xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat, số loại: NK650L4, màu sơn: Trắng, số khung: CC4JJAB00016, số máy: B1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18, xe đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036549, ngày 13/11/2019 cho ông **Phạm Văn R** đứng tên:

Để bảo đảm số tiền vay 357.000.000 đồng ông **R** đã ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 461/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 14/11/2019 với **P**. Xét việc ký kết hợp đồng thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ giữa ông **R** đối với **P** đã được lập thành văn bản được và được đăng ký thế chấp tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định tại Điều 319 của Bộ luật Dân sự và Thông tư số 08/2018/TT-BTP, ngày 20/6/2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của **Cục Đ1** thuộc bộ Tư pháp. Mặc dù tại thời điểm tranh chấp không xác định được xe ô tô biển kiểm soát 70C-150.18 hiện ai đang quản lý sử dụng, tuy nhiên Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 461/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 14/11/2019 giữa **P** với ông **Phạm Văn R** là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của ông **Phạm Văn R** đối với **Ngân hàng P**. Do đó trường hợp ông **R** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với **P**, thì **P** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản là: Xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat, số loại: NK650L4, màu sơn: Trắng, số khung: CC4JJAB00016, số máy: B1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18 để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nhận định nêu trên xét yêu cầu khởi kiện của **P** đối với ông **Phạm Văn R** là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí:

Ông **Phạm Văn R** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 23.943.000 đồng (làm tròn) do yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng P** được chấp nhận

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 292, 299, 317, 323, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 103 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 12 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông **Phạm Văn R**.

Buộc ông **Phạm Văn R** có nghĩa vụ hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** (tạm tính đến ngày 09/6/2026) số tiền 498.592.244 (bốn trăm chín mươi tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi bốn) đồng, trong đó: 249.675.547 (hai trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bảy) đồng nợ gốc; 59.723.393 (năm mươi chín triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng nợ lãi trong hạn; 164.009.410 (một trăm sáu mươi bốn triệu không trăm linh chín nghìn bốn trăm mười) đồng nợ lãi quá hạn; 25.183.894 (hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm chín mươi bốn) đồng nợ lãi chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 10/6/2026) ông **Phạm Văn R** còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến khi hoàn trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay ông **Phạm Văn R** phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông **Phạm Văn R** không thanh toán xong nợ thì **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 461/2019/HĐBĐ/PVB-CN.GV ngày 14/11/2019 giữa **P** với ông **Phạm Văn R** đối với: Xe ô tô nhãn hiệu Vinhphat, số loại: NK650L4, màu sơn: Trắng, số khung: CC4JJAB00016, số máy: B1CN4R068115, biển kiểm soát 70C-150.18, xe đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036549, ngày 13/11/2019 cho ông **Phạm Văn R** đứng tên.

2. Về án phí:

Ông **Phạm Văn R** phải chịu 23.943.000 (hai mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** 10.865.000 (mười triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022911, ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11- Tây Ninh;
- Phong THADS khu vực 11- Tây Ninh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (L).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Lợi